

**CÔNG TY TNHH TM ĐẦU TƯ SANG HOÀNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM ĐẦU TƯ SANG HOÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400971151

**3. Ngày thành lập:** 15/08/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Cầu Trong, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0385667128

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                      | 4329     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Lắp đặt, trang trí nội thất                                                                                                                             | 4330     |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                 | 4390     |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                  | 4632     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                  | 4649     |
| 6.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác                                                                                   | 4661     |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                  | 4662     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                             | 4663     |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán buôn hoá chất sử dụng trong xử lý môi trường<br>được Nhà nước cho phép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim<br>loại, phi kim loại | 4669     |
| 10. | Khai thác và thu gom than cứng                                                                                                                                                                      | 0510     |
| 11. | Khai thác và thu gom than non                                                                                                                                                                       | 0520     |
| 12. | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                                                 | 0710     |
| 13. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                   | 4690     |
| 14. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt                                                                                                                                                        | 0722     |
| 15. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>Chi tiết: - Khai thác đá - Khai thác cát, sỏi - Khai thác đất sét                                                                                                | 0810     |
| 16. | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                                                                                       | 0892     |
| 17. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Khai thác khoáng sản                                                                                                                           | 0899     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác<br>Chi tiết: - Thăm dò khoáng sản - Hoạt động cung cấp dịch vụ hỗ trợ trên cơ sở phí hoặc hợp đồng cho hoạt động khai thác thuộc ngành 05, 07 và 08; - Hoạt động cung cấp dịch vụ bơm và tháo nước trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Hoạt động cung cấp dịch vụ khoan thử và đào thử | 0990        |
| 19. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2592        |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                          | 4931        |
| 21. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4932        |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4933        |
| 23. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4101(Chính) |
| 24. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4102        |
| 25. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4212        |
| 26. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4221        |
| 27. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4222        |
| 28. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4223        |
| 29. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4229        |
| 30. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4291        |
| 31. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4292        |
| 32. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4293        |
| 33. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4299        |
| 34. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4311        |
| 35. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng)                                                                                                                                                                                                                        | 4312        |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: HOÀNG VĂN SANG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/07/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024093003585

Ngày cấp: 28/02/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Cầu Trong, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Cầu Trong, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: HOÀNG VĂN SANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/07/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024093003585

Ngày cấp: 28/02/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Cầu Trong, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Cầu Trong, Xã Mỹ Thái, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang